

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 04/2025/KDTM-PT

Ngày 08 - 4 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
thi công*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Xuân Long

- *Các Thẩm phán:* Bà Đào Thị Huệ

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 14/2024/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐ-PT ngày 28/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐ-PT ngày 17/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần I;

Địa chỉ: Lô A, đường số B, Khu công nghiệp N, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Lê Đình T – Chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Bảo C, sinh năm 1994; địa chỉ liên hệ: Số G T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn D;

Địa chỉ: Số A Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Đăng H – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Mông Thế H1, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn - Công ty Cổ phần I trình bày:

Ngày 15/11/2018, Công ty Cổ phần I (viết tắt là Công ty I) và Công ty trách nhiệm hữu hạn D (viết tắt là Công ty D) có ký kết Hợp đồng thi công số 210/KTTH-IBS và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 03/12/2018 về việc cung cấp và thi công lắp đặt đá granite cho dự án sửa chữa kè biển đường T, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (viết tắt là Hợp đồng 210). Giá trị Hợp đồng tạm tính là: 4.710.200.000đ (đã bao gồm thuế VAT). Khối lượng thanh toán là khối lượng nghiệm thu trên thực tế thi công.

Thực hiện Hợp đồng 210, Công ty I đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định tại hợp đồng. Ngày 25/12/2020, hai bên đã ký bảng xác nhận khối lượng quyết toán công việc hoàn thành, nội dung như sau: Khối lượng quyết toán hoàn thành là 4.981.743.000 đồng; số tiền đã tạm ứng là 3.500.000.000 đồng; số tiền còn phải thanh toán là 1.481.743.000 đồng.

Ngày 07/12/2022, Công ty D có gửi email đính kèm công văn số 0712/CV/TH gửi cho Công ty I về việc xác nhận còn nợ số tiền 431.743.000 đồng và xin được thanh toán mỗi tháng 50.000.000 đồng nhưng Công ty D đã không thực hiện đúng. Ngày 26/4/2022, hai bên đã xác nhận đối chiếu công nợ, theo đó Công ty D còn nợ Công ty I số tiền là 381.743.000đ. Đồng thời, ngày 28/4/2023 Công ty D tiếp tục có Biên bản cam kết thanh toán cho Công ty I nhưng vẫn không thực hiện đúng. Ngày 19/6/2023, Công ty I gửi công văn số 34/2023/CV-IBS về việc thanh toán công nợ và thông báo khởi kiện đến Công ty D nhưng không nhận được phản hồi.

Nay Công ty IBS yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Công ty D phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 361.743.000 đồng.

- Buộc Công ty D có nghĩa vụ trả lãi trên tổng số tiền chậm thanh toán tạm tính là 115.757.760 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty D, nguyên đơn không đồng ý vì: Công ty D căn cứ vào Điều 6 của Hợp đồng để phạt Công ty IBS chậm tiến độ là không phù hợp bởi những lý do như sau: Theo nội dung Biên bản số 05/BBBG ngày 25/11/2020, ký giữa chủ đầu tư Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện C với nhà thầu xây lắp Công ty D để bàn giao đưa vào sử dụng công trình thì không có

bất kỳ nội dung phạt chậm tiến độ. Theo Bảng xác nhận khối lượng quyết toán công việc hoàn thành ký ngày 25/12/2020 giữa Công ty I và Công ty D thì Công ty I đã hoàn thành công việc của Hợp đồng số 210 và cũng không thể hiện việc phạt chậm tiến độ đối với Công ty I. Theo Biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 26/4/2022 giữa Công ty I và Công ty D xác nhận Công ty D còn nợ số tiền là 381.743.000 đồng, không có bất kỳ khoản phạt hay khấu trừ nào. Đồng thời, các văn bản Công ty D nộp kèm Đơn phản tố cũng không có văn bản nào đề cập Công ty D lập biên bản phạt chậm tiến độ đối với Công ty I, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty D.

2. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn D trình bày:

Ngày 15/11/2018, Công ty D và Công ty I có ký kết hợp đồng số 210/KTTH – IBS về việc cung cấp và thi công đá Granite cho dự án sửa chữa lề biển đường T, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giá trị hợp đồng tạm tính là: 4.710.200.000 đồng (đã bao gồm VAT), Khối lượng thanh toán là khối lượng nghiệm thu thực tế thi công. Công ty D và Công ty I đã có bảng đối chiếu công nợ vào ngày 26/4/2022 xác nhận số tiền Công ty D còn nợ là 381.743.000 đồng, sau đó Công ty D đã trả cho Công ty I số tiền 20.000.000đ, đến thời điểm hiện tại Công ty D xác nhận số tiền còn nợ là 361.743.000đ đúng như yêu cầu khởi kiện của Công ty I.

Tuy nhiên, tại Điều 6 Hợp đồng số 210 thể hiện tiến độ thi công dự án là 105 ngày kể từ ngày ký hợp đồng tức là bắt đầu từ ngày 15/11/2018 và hoàn thành dự án vào ngày 28/02/2019, nhưng đến ngày 25/12/2020 Công ty I mới thi công hoàn thành công việc và có ký kết biên bản nghiệm thu khối lượng với nội dung như sau: Khối lượng quyết toán: 4.981.743.000 đồng, Số tiền đã tạm ứng: 3.500.000.000 đồng. Số tiền còn phải thanh toán: 1.481.743.000 đồng. Như vậy, Công ty I đã vi phạm tiến độ công việc theo khoản 11.2 Điều 11 của hợp đồng và phải chịu phạt vi phạm hợp đồng cụ thể: Phải chịu khoản phạt là 10.000.000 đồng cho 1 ngày chậm trễ tương đương: 666 ngày x 10.000.000 đồng = 6.660.000.000 đồng (sáu tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng).

Do đó, Công ty D có đơn yêu cầu phản tố buộc Công ty I phải thanh toán số tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền là: 6.660.000.000 đồng. Công ty yêu cầu căn trừ số tiền này vào số tiền công ty đang nợ Công ty I cụ thể là 6.660.000.000 đồng - 361.743.000 đồng = 6.298.257.000đ, như vậy Công ty I phải trả cho công ty D số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 6.298.257.000đ.

3. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty I đối với Công ty D;

Buộc Công ty D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần I tổng số tiền 481.017.475 đồng; Trong đó: nợ gốc là 361.743.000 đồng và nợ lãi là 119.274.475 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty D về việc yêu cầu Công ty I thanh toán 6.660.000.000đ cho Công ty D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4. Nội dung kháng cáo:

Ngày 10-5-2024, Công ty D kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Công ty I phải thanh toán 6.660.000.000đ cho Công ty D.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của Công ty D và Công ty Cổ phần I đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Công ty D đồng ý thanh toán cho Công ty Cổ phần I tổng số tiền: 421.743.000 đồng (trong đó số tiền nợ gốc: 361.743.000 đồng và tiền lãi suất: 60.000.000 đồng) phát sinh từ Hợp đồng thi công số 210/KTTH - IBS ngày 15 tháng 11 năm 2018; Phụ lục số 01 ký ngày 03/12/2018.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa, do các đương sự thống nhất với nhau về giải quyết vụ án; sự thỏa thuận trên không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (gọi tắt là Công ty D) đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty D thì thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty D và Công ty Cổ phần I đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Công ty D đồng ý thanh toán cho Công ty Cổ phần I tổng số tiền: 421.743.000 đồng (trong đó số tiền nợ gốc: 361.743.000 đồng và tiền lãi suất: 60.000.000 đồng) phát sinh từ Hợp đồng

thi công số 210/KTTH - IBS ngày 15 tháng 11 năm 2018 và Phụ lục số 01 ký ngày 03/12/2018.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự khác; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận những nội dung mà các đương sự đã thỏa thuận; sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 421.743.000 đồng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty D tự nguyện chịu án phí nên ghi nhận là phù hợp.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Người kháng cáo – Công ty D phải chịu 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Áp dụng: Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần I khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng thi công số 210/KTTH - IBS ngày 15 tháng 11 năm 2018; Phụ lục số 01 ký ngày 03/12/2018 số tiền là 421.743.000đ (Bốn trăm hai mươi một triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn đồng); trong đó bao gồm: số tiền nợ gốc 361.743.000đ (Ba trăm sáu mươi một triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn đồng) và tiền lãi suất 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn D phải chịu 20.869.720đ (Hai mươi triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.330.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000894 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn D được hoàn trả lại 36.460.280đ (Ba mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi ngàn hai trăm tám mươi đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần I số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.550.000đ (Mười một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010214 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán thêm cho người được thi hành án số tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn D phải nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001221 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn D còn phải nộp tiếp số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm ngàn đồng).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 08/4/2025).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thành phố Bà Rịa;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Xuân Long